TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THỦY** **TP. CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27/5/2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, TP. CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà ***Nguyễn Thị Hà***.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông ***Huỳnh Văn Nhân***.

2/ Bà ***Huỳnh Thị Lài***.

Thư ký phiên tòa: Bà ***Nguyễn Ngọc Huỳnh Phương*** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy: Bà ***Nguyễn Thanh Tuyền*** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số 54/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà ***Lê Thị Mỹ Tr***, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 10, đường số 02, tổ 02, thôn 8, xã ĐT, huyện ĐL, tỉnh BT.

* Bị đơn: Ông ***Lê Văn T***, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 281/14, tổ 14, khu vực BD, phường LH, quận BT, thành phố CT.

Bà Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại đơn khởi kiện ngày 25/10/2019 và tại bản tự khai nguyên đơn là bà Lê Thị Mỹ Tr cho rằng:***

Bà và ông Lê Văn T kết hôn nhân năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69/2011, Quyển 1 ngày 18/10/2011.

Sau khi kết hôn bà Tr và ông T chung sốngtại nhà cha mẹ bà tại xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận được 04 tháng thì ông T trở về nhà cha mẹ ruột của ông tại tổ 14, khu vực Bình Dương, phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố

Cần Thơ làm ăn từ đó đến nay ông T không trở về lại ĐL. Từ khi ông T về nhà cha mẹ ruột cho đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, ai lo cuộc sống của người đó. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Tr có đơn yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Bà và ông T có một con chung tên Lê Ngọc Bảo N (nữ), sinh ngày 17/01/2012. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Lê Văn T nhiều lần để hòa giải và giải quyết theo thủ tục chung nhưng phía bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt. Tòa án đã tống đạt và niêm yết các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị Mỹ Tr có đơn xin xét xử vắng mặt do bà sinh sống tại Bình Thuận xa xôi, điều kiện kinh tế khó khăn, bà vẫn giữ nguyên ý kiến N đã trình bày trong đơn khởi kiện và bản tự khai. Phía ông Lê Văn T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý cũng như tại phiên toà. Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, tư cách những người tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án hôn nhân giữa bà Lê Thị Mỹ Tr và ông Lê Văn T có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, trong quá trình chung sống bà Tr và ông T phát sinh mâu thuẫn do ông T trở về nhà cha mẹ ruột sống, không còn quan tâm đến mẹ con bà Tr nên bà Tr có đơn yêu cầu xin ly hôn. Phía ông T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật Nng ông T đều vắng mặt, cho thấy ông T cũng không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà Tr nữa, do đó yêu cầu ly hôn của bà Tr là có cơ sở xem xét. Về con chung bà Tr khai bà và ông T có một con chung là Lê Ngọc Bảo N (nữ), sinh ngày 17/01/2012. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy, cháu N hiện nay đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được sống với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, về cấp dưỡng bà Tr không yêu cầu nên không xem xét, về tài sản chung và nợ chung: tách ra giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ Tr đề ngày 25/10/2019 yêu cầu xin ly hôn với ông Lê Văn T, yêu cầu nuôi con chung nên đây là vụ án ly hôn, nuôi con giữa công dân với công dân thuộc ngành Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh. Do ông Lê Văn T có địa chỉ thường trú tại số 281/14, tổ 14, khu vực BD, phường LH, quận BT, thành phố CT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ Tr và ông Lê Văn T tự nguyện tiến tới quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 18/10/2011 tại Ủy ban nhân dân phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà Tr khai thì bà và ông T chung sống hạnh phúc được 04 tháng thì ông T bỏ về nhà cha mẹ tại Bình Thủy, Cần Thơ sống cho đến nay, từ thời điểm ông T bỏ đi bà Tr và ông T không còn quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai lo cuộc sống của người đó. Nay bà Tr cho rằng không còn tình cảm với ông T, mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được nên bà có đơn xin ly hôn. Phía ông T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần Nng vẫn vắng mặt cho thấy ông T cũng không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà Tr. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình:

1. " *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình.*

2. V*ợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau…".*

Hiện nay, bà Tr sống tại Bình Thuận, ông T sống tại Cần Thơ vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc nhau, không có tình nghĩa vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Mỹ Tr.

[3] Về con chung: Bà Tr khai nhận bà và ông T có một con chung tên Lê Ngọc Bảo N (nữ), sinh ngày 17/01/2012. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu N đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được sống với mẹ; từ khi ông T về nhà cha mẹ ruột sống cháu N vẫn sống cùng bà Tr nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà Tr. Về

cấp dưỡng bà Tr không yêu cầu, xét đây là sự tự nguyện của bà Tr, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nếu sau này việc nuôi con chung có khó khăn về kinh tế, bà Tr có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ kiện khác.

Vì lợi ích của con, cha mẹ có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tr khai nhận là không có Nng do ông T vắng mặt tại các buổi hòa giải và xét xử nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu và có đủ cơ sở chứng minh.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39, Điều 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Điều 19,51,56, 69,71,81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015

Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Mỹ Tr được ly hôn với ông Lê Văn T.

- *Về con chung:* Giao cháu Lê Ngọc Bảo N (nữ), sinh ngày 17/01/2012 cho bà Lê Thị Mỹ Tr tiếp tục nuôi dưỡng, không buộc ông Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông T, không ai được quyền cản trở ông T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con cha mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung* Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ Tr phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*). Chuyển tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 004249 ngày 23/12/2019 thành án phí hôn nhân sơ thẩm Đương sự đã nộp đủ tiền án phí.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Bình Thủy;
- THA Q. Bình Thủy;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hà